

Số: ...../GPMT-UBND

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2023

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 316/BVTV.1-TCHC ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo Văn bản số 644 CV/BVTV.1-TCHC ngày 18 tháng 9 năm 2023 về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 616/TTr-STNMT ngày 16 tháng 10 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương (địa chỉ tại số 145 phố Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Chi nhánh Hải Phòng – Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương tại xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Chi nhánh Hải Phòng – Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

1.3. Pháp nhân: Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương được

Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100101611, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22 tháng 4 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0100101611.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sang chiết, phối trộn thuốc bảo vệ thực vật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 8.933 m<sup>2</sup> (theo Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng).

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công); Dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô công suất: 1.200 - 1.300 tấn/năm (gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ, phân bón lá, kích thích sinh trưởng cây trồng).

- Quy trình công nghệ sản xuất:

Quy trình gia công: Nguyên liệu → phối trộn → nhập kho thành phẩm – nhập dự trữ quốc gia.

Quy trình ra thành phẩm: Kho chứa thành phần nhập khẩu → sang chai, đóng gói → hoàn thiện sản phẩm → nhập kho – nhập dự trữ quốc gia → xuất bán.

- Cơ sở không có hoạt động sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải phát sinh, tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2025 (theo thời hạn được thuê đất).

**Điều 4.** Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân huyện An Dương;
- Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNTNMT, NCKTGS;
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, MT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Anh Quân**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND  
ngày.....tháng.....năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (gồm: nước thải từ các bồn cầu vệ sinh, nước thải từ bồn chậu rửa mặt) từ nhà vệ sinh khu văn phòng (WC 1).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (gồm: nước thải từ các bồn cầu vệ sinh, nước thải từ bồn chậu rửa mặt) từ nhà vệ sinh của công nhân ở phía Bắc của cơ sở (WC 2).
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt (gồm: nước thải từ các bồn cầu vệ sinh, nước thải từ bồn chậu rửa mặt) từ nhà vệ sinh của công nhân ở phía Đông của cơ sở (WC 3).
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa sàn, vệ sinh dụng cụ.

##### **2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Cẩm, đoạn chảy qua Cảng Vật Cách thuộc xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

##### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại miệng ống dẫn nước thải ra hố ga khử trùng sau hệ thống xử lý nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Tọa độ: X(m) = 2311517.069; Y(m) = 589904.469.

*(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).*

2.3. Lưu lượng nước thải lớn nhất: 16 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy vào cống thoát nước chung của khu vực và xả vào sông Cẩm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, Kq=1,1, Kf=1,2), QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Màu	Pt/Co	150		
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60		
4	COD	mg/l	198		
5	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
6	Tổng phenol	mg/l	0,66		
7	Tổng Nitơ	mg/l	52,8		
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	7,92		
9	Tổng HCBBVTV clo hữu cơ	mg/l	0,132		
10	Tổng HCBVTV phốt pho hữu cơ	mg/l	1,32		
11	<i>Coliform</i>	VK/100ml	5.000		
12	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
13	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	0,66		
14	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
15	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	60		
16	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
17	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Nguồn số 01: Nước thải từ bồn cầu nhà vệ sinh khu văn phòng (WC1) được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (01 bể dung tích khoảng 7,5 m<sup>3</sup>) và

nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn theo hệ thống đường ống nhựa PVC D110 chảy về cụm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 2,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải từ bồn cầu nhà vệ sinh của công nhân ở phía Bắc của cơ sở (WC 2) được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (01 bể dung tích khoảng 30 m<sup>3</sup>) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn theo hệ thống đường ống nhựa PVC D110 chảy về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải từ bồn cầu nhà vệ sinh của công nhân ở phía Đông của cơ sở (WC 2) được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (01 bể dung tích khoảng 7,5 m<sup>3</sup>) và nước thải từ các bồn chậu rửa mặt, thoát sàn theo hệ thống đường ống nhựa PVC D110 chảy về cụm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 3,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa sàn, vệ sinh dụng cụ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

### 1.2.1. Cụm xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: 02 cụm xử lý nước thải sinh hoạt có quy trình xử lý nước thải tương tự nhau:

Nước thải → bể điều hòa – thiếu khí → bể hiếu khí (sục khí, bố trí giá thể vi sinh) → hệ thống bơm → hố ga cuối của cơ sở (bổ sung Cloramin B) → cống thoát nước chung → sông Cấm

- Công suất thiết kế: 01 cụm công suất 2,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm, 01 cụm công suất 3,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Giá thể vi sinh, Cloramin B.

### 1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải → bể tiếp nhận → bể điều hòa 2 ngăn → bể phản ứng số 1 → bể phản ứng số 2 → bể phản ứng số 3 → bể lọc → bể thử sinh học → hố ga cuối của cơ sở (bổ sung Cloramin B) → cống thoát nước chung → sông Cấm.

- Công suất thiết kế: 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH, Ca (OH)<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, chất trợ lắng, vật liệu lọc, Cloramin B.

## 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng bắt buộc phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; duy trì hiệu suất xử lý của hệ vi sinh vật; bổ sung hoá chất vào bể khử trùng.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.

- Trường hợp xảy ra sự cố không thể khắc phục trong ngày, hệ thống xử lý nước thải phải ngừng hoạt động, Chủ cơ sở phải lưu giữ nước thải trong hệ thống xử lý hoặc thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nước thải theo quy định, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu ra môi trường.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật I Trung ương đã được UBND thành phố Hải Phòng cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn, điều chỉnh lần thứ nhất) số 775/GP-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021; Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 21/GXN-STNMT ngày 08 tháng 4 năm 2019. Do đó, không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở

3.4. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Công ty có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của các

hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.6. Thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải theo cam kết của Công ty tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.



**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày.....tháng.....năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hoạt động phân xưởng đóng gói máy.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ hoạt động của phân xưởng sang chai.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ hoạt động của phân xưởng gia công thuốc nước.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động của phân xưởng đóng gói máy (ứng với nguồn số 01). Tọa độ: X (m) = 2311561.8; Y (m) = 589825.5.
- Dòng khí thải số 02: Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động của phân xưởng sang chai (ứng với nguồn số 02). Tọa độ: X (m) = 2311565.5; Y (m) = 589841.5.
- Dòng khí thải số 03: Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động của phân xưởng gia công thuốc nước (ứng với nguồn số 03). Tọa độ: X (m) = 2311550.5; Y (m) = 589878.8.

(Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Chi nhánh Hải Phòng – Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật I Trung ương, xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng).

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: 1.460 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: 1.460 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 03: 1.460 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua miệng của ống xả khí thải, xả gián đoạn 8/24 giờ (khoảng từ 8h đến 17h hàng ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; Kp = 1,0; Kv = 0,8), QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>I</b>	<b>Dòng khí thải số 01, 02, 03</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng bắt buộc phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	160		
3	Metanol	mg/Nm <sup>3</sup>	260		
4	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	870		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ phân xưởng đóng gói máy được thu gom bằng 03 chụp hút, theo hệ thống đường ống về tháp hấp phụ số 01 để xử lý.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ phân xưởng sang chai được thu gom bằng 04 chụp hút, theo hệ thống đường ống về tháp hấp phụ số 02 để xử lý.

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ phân xưởng gia công thuốc nước được thu gom bằng 04 chụp hút, theo hệ thống đường ống về tháp hấp phụ số 03 để xử lý.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: 03 tháp hấp phụ có quy trình công nghệ tương tự nhau, cụ thể:

Khí thải → tháp hấp phụ (05 tầng hấp phụ bằng than hoạt tính) → ống thải.

- Công suất thiết kế: 1.460 m<sup>3</sup>/giờ (đối với mỗi hệ thống).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng bắt buộc quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ phụ trách quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải.
- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.
- Định kỳ kiểm tra đường ống, quạt hút, tháp hấp phụ, theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống.
- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.
- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật I Trung ương đã được UBND thành phố Hải Phòng cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn, điều chỉnh lần thứ nhất) số 775/GP-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021; Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 21/GXN-STNMT ngày 08 tháng 4 năm 2019. Do đó, không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của nồi hơi, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý khí thải không đáp ứng yêu cầu, Chủ cơ sở có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của các hệ thống xử lý khí thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.5. Thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải theo cam kết của Công ty tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

**Phụ lục 3****ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày.....tháng.....năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: hoạt động của phân xưởng sang chai.
- Nguồn số 02: hoạt động của phân xưởng thuốc bột.
- Nguồn số 03: hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm tại cổng chính Công ty.
- Nguồn số 04: hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm tại sân.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ: X (m) = 2311525.9 m; Y (m) = 589861.3.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X (m) = 2311564.8 m; Y (m) = 589761.5.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X (m) = 2311513.5 m; Y (m) = 589881.4.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X (m) = 2311522.7 m; Y (m) = 589789.1.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

**3. Tiếng ồn, độ rung:**

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 6 giờ đến 21 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Các máy móc, thiết bị được vận hành đúng công suất, yêu cầu kỹ thuật.
- Thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng, kịp thời sửa chữa để đảm bảo máy móc luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày.....tháng.....năm  
2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chung loại chất thải nguy hại, chất thải cần được kiểm soát phát sinh thường xuyên:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Trạng thái tồn tại</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>	<b>Ký hiệu phân loại</b>
1	Bao bì cứng thải (không chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	14 01 06	Rắn	40.000	KS
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	1.000	KS
3	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	20	KS
4	Hóa chất bảo vệ thực vật không chứa gốc Halogen hữu cơ	14 01 04	Rắn + Lỏng	4.000	NH
5	Bao bì mềm thải (không chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	14 01 05	Rắn	10.000	KS
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	20	NH
7	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	20	NH
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	50	NH
9	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH	16 01 13	Rắn	50	NH
10	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại; than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử khí thải	18 02 01	Rắn	2.000	KS
	<b>Tổng</b>			<b>57.160</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Khối lượng phát sinh (kg/năm)</b>
1	Kệ gỗ hỏng	4.500
2	Bao bì, bì carton	500
	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>5.000</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 84 m<sup>3</sup>/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kho/khu vực lưu chứa: bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích 28 m<sup>2</sup> (gồm 03 gian).

- Thiết kế, cấu tạo: có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Kho/khu vực lưu chứa: bố trí 01 khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, có mái che, diện tích 10,5 m<sup>2</sup>.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy.

- Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật I Trung ương có trách nhiệm thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao các loại chất thải phát sinh cho đơn vị có đầy đủ chức năng, năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó



sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày .. . tháng... năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, an toàn hóa chất theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

---